

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2022

V/v không công nhận vợ chồng,
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Mai Dung

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8; ngày 16; 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về không công nhận vợ chồng, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn 5, xã x, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn 5, xã x, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không

hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2009, anh Q đi chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên, đến năm 2021 ra trại. Sau khi đi chấp hành án về, anh Q vẫn ở với chị H nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau, anh Q nhiều lần đánh chị H. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xây dựng được 01 ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ trên diện tích đất nông nghiệp của bố mẹ chị H cho và của chị H mua của những hộ xung quanh. Toàn bộ tiền bỏ ra xây nhà và công trình phụ là của chị H bỏ tiền ra xây, anh Q có đóng góp công sức trông coi thợ trong thời gian xây dựng. Diện tích đất là của bố mẹ chị H cho riêng chị H, và phần đất xung quanh chị mua thêm cũng là tiền của cá nhân chị. Chị H xác định tài sản trên đất có phần công sức đóng góp của anh Q, còn quyền sử dụng đất là của cá nhân chị H, không phải là tài sản chung.

Bị đơn trình bày: Anh và chị H chung sống với nhau như vợ chồng khoảng 23 năm nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2009 anh Q đi chấp hành án, tháng 9 năm 2021 anh Q chấp hành án xong về tiếp tục chung sống với chị H. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và xảy ra đánh cãi chửi nhau. Nay chị H xin ly hôn anh Q cũng đồng ý.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có tài sản chung là nhà cấp 4 khoảng 50m² và công trình phụ. 01 máng đá tại chân Núi Voi, 02 xe máy, 01 tủ lạnh, 02 xe công nông, 01 xe ô tô, 1 ti vi, tiền mặt và vàng....., anh Q chỉ trình bày về tài sản đề nghị Tòa án xét làm rõ không yêu cầu chia.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 14, 15 và 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Q. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Hoàng Thị H, xác định khối tài sản là các công trình xây dựng trên diện tích đất nông nghiệp tại thôn 5, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên là tài sản chung của chị

H và anh Q. Tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau, anh Q đi chấp hành án là 12 năm (từ năm 2009 đến năm 2021) nên khi chia cần tính công sức đóng góp, quản lý khối tài sản chung của chị H. Chị H hiện đang quản lý sử dụng khối tài sản trên và ngoài ra không còn chỗ ở nào khác nên cần giao tài sản chung cho chị H sử dụng và chị H thanh toán trị giá tài sản cho anh Q. Về xác định quyền sử dụng đất nông nghiệp: Hiện nay chị H anh Q đang quản lý sử dụng là 2037m², trong đó xác định phần đất phần đất công là 883m² còn lại là đất nông nghiệp 1154m². Phần đất nông nghiệp gồm các thửa đất của bố mẹ chị H (ông Khoát, bà Chấn) cho, bố mẹ anh Q là ông Giang và Ruyện cho, các thửa do chị H nhận chuyển nhượng của các hộ dân xung quanh. Đối với phần đất của bố mẹ anh Q là ông Nguyễn Văn Giang bà Đỗ Thị Ruyện cho chị H và anh Q chưa có tài liệu xác định diện tích đất 96m² của ông Giang bà Ruyện đã cho chị H, anh Q nên không chấp nhận. Đối với các thửa đất mua của các hộ gia đình có thửa đất của Nguyễn Thị Lan (130m²), Lê Văn Tuấn (96m²) Tòa án đã ghi lời khai và xác minh, bà Lan và ông Tuấn không cung cấp được tài liệu chứng minh là chủ sử dụng hợp pháp nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với các thửa đất khác của các hộ gia đình đã chuyển nhượng cho chị H, theo Biên bản họp gia đình về việc xác nhận chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng đất nông nghiệp của những hộ gia đình trên đều có nội dung: “Chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975”. Vì vậy có căn cứ xác định 1.068m² (1154-96m² của ông Giang, bà Ruyện) đất nông nghiệp do chị H đang quản lý sử dụng tại thôn 5, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của riêng chị Hoàng Thị H. Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản chung. Anh Q phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về không công nhận vợ chồng, bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên theo khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, chị H và anh Q có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên sống không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay chị H xác định tình cảm giữa chị với anh Q không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cần áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết không công nhận các bên là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị H và anh Q trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung:

Trong thời gian chung sống chị H và anh Q có tạo lập được khối tài sản chung là 01 nhà cấp 4, 01 nhà ngang và công trình phụ xây trên diện tích đất nông nghiệp. Chị H trình bày trong số tài sản xây dựng trên đất chỉ có nhà ngang và nhà cấp 4 là xây trong khi anh Q và chị H chung sống với nhau và toàn bộ tiền bỏ ra xây dựng là tiền của cá nhân chị H. Các tài sản khác gồm: Lán tôn mạ màu, chuồng gà, bể nước, sân, ngõ, tường bao, công trình phụ.... do chị H xây dựng trong thời gian anh Q đang đi chấp hành án (anh Q bị chấp hành án từ năm 2009 đến tháng 9 năm 2021) nên chị H xác định là tài sản riêng của chị H. Xét thấy anh Q và chị H đều xác định anh chị chung sống với nhau từ thời gian 2001 đến nay, nên xác định toàn bộ khối tài sản xây dựng trên đất là tài sản chung của anh Q, chị H, nhưng xét công sức đóng góp khối tài sản chung thì chị H có công sức đóng góp nhiều hơn nên khi chia tài sản chung cần xác định phần đóng của chị H vào khối tài sản chung = $\frac{2}{3}$ giá trị tài sản.

Tổng giá trị tài sản xây trên đất theo kết quả định giá 198.021.000 đồng. Khối tài sản trên hình thành trong thời gian chị H và anh Q chung sống với nhau. Chị H được hưởng $\frac{2}{3}$ giá trị tài sản, anh Q được hưởng $\frac{1}{3}$ giá trị tài sản. Ngoài ra trên đất còn có các công trình xây dựng trên đất gồm: Ngoài ra trên đất còn một số cây ăn quả do chị H trồng nhưng anh Q và chị H không xác định là tài sản chung.

Về quyền sử dụng đất: Toàn bộ hiện trạng diện tích đất chị H và anh Q đang quản lý sử dụng là 2037m². Theo biên bản xác minh tại UBND xã Lại Xuân cung cấp: Thửa đất hiện nay chị H và anh Q đang sử dụng có 1 phần đất nông nghiệp (1154m²) và một phần đất công (883m²). Phần đất nông nghiệp gồm các thửa đất của bố mẹ chị H (ông Khoát, bà Chấn) cho bố mẹ anh Q là ông Giang và Ruyện cho, các thửa do chị H nhận chuyển nhượng của các hộ ông bà sau: Ông Lê Văn Sử, bà Ngô Thị Nhảm diện tích 108m² tại thửa 3353, bà Ngô Thị Hòa diện tích 24m² tại

thửa 4603, ông Nguyễn Văn Vách diện tích 168m^2 tại thửa 3888, ông Nguyễn Văn Thêm, bà Đỗ Thị Bướm diện tích 108m^2 tại thửa 4004, ông Nguyễn Văn Tàng bà Hoàng Thị Gái diện tích 24m^2 tại thửa 4082, chị Chu Thị Hương diện tích 96m^2 tại thửa 3708, bà Chu Thị Vượng diện tích 84m^2 tại thửa 4593, chị Bùi Thị Hiền diện tích 96m^2 , bà Nguyễn Thị Phàn, ông Hoàng Văn Chí diện tích 48m^2 tại thửa 3425, ông Nguyễn Văn Lương (tên gọi khác Mốc) bà Vũ Thị Nhung diện tích 24m^2 tại thửa 4118, ông Chu Văn Thao, bà Phạm Thị Mỹ diện tích 48m^2 , ông Hoàng Văn Khoát, bà Đỗ Thị Chấn (bố mẹ chị H) diện tích 240m^2 , ông Nguyễn Văn Giang, bà Đỗ Thị Ruyện diện tích 96m^2 .

Ngoài ra chị H trình bày trong phần đất nông nghiệp chị H đang sử dụng có một phần đất nông nghiệp chị đã nhận chuyển nhượng của chị Nguyễn Thị Lan (130m^2) và Lê Văn Tuấn (96m^2) nhưng chị H, chị Lan, anh Tuấn không cung cấp được tài liệu chứng minh diện tích đất trên là quyền sử dụng hợp pháp của chị Lan và anh Tuấn nên không có căn cứ chấp nhận. Thửa đất của ông Nguyễn Văn Giang bà Đỗ Thị Ruyện (bố mẹ anh Q) chị H trình bày ông bà cho chị H, anh Q nhưng không có tài liệu chứng minh là ông Giang bà Ruyện đã cho nên không chấp nhận. Đối với các thửa đất còn lại, Theo Biên bản họp gia đình về việc xác nhận chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng đất nông nghiệp có xác nhận của UBND xã Lại Xuân đều có nội dung: “Chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975”. Lời khai những người chuyển nhượng đều xác định việc chuyển nhượng diện tích đất nông nghiệp nêu trên cho bà Hoàng Thị H.

Như vậy có cơ sở khẳng định diện tích đất nông nghiệp 1068m^2 ($1154-96\text{m}^2$ của ông Giang, bà Ruyện) bao gồm phần diện tích đất nông nghiệp của bố mẹ chị H cho và các thửa đất chị H nhận chuyển nhượng của Sứ, bà Nhâm; bà Hòa; ông Vách; bà Bướm, ông Thêm; bà Gái; bà Hương; bà Vượng; bà Hiền; bà Phàn; ông Lương (Mốc); ông Thao, bà Mỹ là của cá nhân chị Hoàng Thị H nên chị H đề nghị Tòa án xác định đây là quyền sử dụng của cá nhân chị H là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xác định tài sản chung của chị H, anh Q là phần tài sản xây dựng trên đất có giá trị 198.021.000 đồng. Hiện nay anh Q đang sinh sống cùng với bà Ngô Thị Liễu tại thôn 5, xã Lại Xuân, chị H không còn chỗ ở nào khác, hơn nữa tài sản được xây trên các thửa đất nông nghiệp do chị H nhận chuyển nhượng của những hộ dân xung quanh, nên cần giao cho chị H được quyền quản lý sử dụng tài sản trên đất. Chị H phải thanh toán giá trị cho anh Q là $\frac{1}{3}$ giá trị tài sản là $198.021.000 \text{ đồng} / 3 = 66.007.000 \text{ đồng}$. Xác định 1.068m^2 đất nông nghiệp thuộc quyền sử dụng của riêng chị Hoàng Thị H nên giao cho chị H được quyền quản lý sử dụng 1.068m^2 đất nông nghiệp (trị giá $250.000 \times 1068 = 267.000.000 \text{ đồng}$), chị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 19.950.700 đồng án phí chia tài sản chung, anh Nguyễn Văn Qùy phải chịu 3.300.000 đồng án phí chia tài sản chung.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 17 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/NQ-2000/QH-10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

- Tài sản chung của chị H và anh Q có trị giá 198.021.000 đồng. Chị Hoàng Thị H được hưởng 2/3 trị giá tài sản, anh Nguyễn Văn Q được hưởng 1/3 trị giá tài sản. Giao cho chị Hoàng Thị H sở hữu 01 nhà cấp 4, 01 nhà ngang; Lán tôn mạ màu, chông gà, bể nước, sân, ngõ, tường bao, công trình phụ. Tổng giá trị 198.021.000 (*một trăm chín mươi tám triệu, hai mươi một nghìn*) đồng. Chị Hoàng Thị H có trách nhiệm trả sang cho anh Nguyễn Văn Q số tiền chênh lệch chia tài sản là 66.007.000 (*sáu mươi sáu triệu, bảy nghìn*) đồng. Anh Nguyễn Văn Q được nhận số tiền 66.007.000 (*sáu mươi sáu triệu, bảy nghìn*) đồng từ chị H trả sang.

- Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền sử dụng diện tích 1068m² đất nông nghiệp tại tờ bản đồ số 05 xứ đồng Con Voi, xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên giá trị 267.000.000 đồng (*hai trăm sáu bảy triệu*) đồng có các mốc giới từ 9a, 9 đến 24, 24a, 9a (trừ diện tích 96m² có mốc giới a,b,c,d) trên sơ đồ kèm theo.

Có sơ đồ kèm theo bản án

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 19.950.700 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng phải chịu 20.250.700 đồng. Chị H đã nộp 1.050.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0007689 ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Biên lai thu số 0007798 ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị H còn phải nộp tiếp 19.200.700 đồng. Anh Q phải chịu 3.300.000 đồng án phí chia tài sản chung.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thủy Nguyên;
- UBND xã Lại Xuân, h. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai